**ÔN KIỂM TRA LẠI ĐỊA 10 (NH:2023-2024)**

**BÀI 34: ĐỊA LÍ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM**

**1. Vai trò**

- Là ngành dịch vụ quan trọng, là khâu không thể thiếu trong sản xuất, giúp quá trình sản xuất và tiêu thụ được diễn ra liên tục liên tục.

- Giúp nhu cầu đi lại của toàn xã hội được diễn ra thuận tiện và thông suốt.

- Tạo các mối liên kết kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong quốc gia, đồng thời tăng cường các mối giao lưu, hợp tác quốc tế.

- Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, làm thay đổi phân bố sản xuất và dân cư trên thế giới.

- Góp phần khai thác hiệu quả các nguồn lực sẵn có của mỗi vùng, quốc gia.

**2. Đặc điểm**

- Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa. Thông qua quá trình dịch chuyển từ nơi này đến nơi khác mà hàng hoá tăng thêm giá trị.

- Các tiêu chí đánh giá dịch vụ vận tải gồm: khối lượng vận chuyển (tính bằng số khách và số tấn hàng hoá được vận chuyển), khối lượng luân chuyển (tính bằng người.km hoặc tấn.km) và cự li vận chuyển trung bình (tính bằng km); sự tiện nghi, an toàn cho hành khách và hàng hoá; ảnh hưởng đến môi trường,...

- Là khâu quan trọng trong dịch vụ logistic.

- Có sự phân bố đặc thù theo mạng lưới với các tuyến và đầu mối giao thông.

**II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**1. Vị trí địa lí**

- Là nhân tố quy định sự có mặt của các loại hình giao thông vận tải.

- Ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải.

- Các đầu mối giao thông quan trọng thì mạng lưới giao thông tương đối dày đặc, với các loại hình đa dạng, khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển dịch vụ vận tải lớn.

**2. Nhân tố tự nhiên**

Ảnh hưởng tới sự phân bố và hoạt động của các loại hình giao thông vận tải, trong đó nổi bậc nhất là địa hình, khí hậu.

+ Địa hình:

- Quy định sự có mặt và vai trò của các loại hình giao thông vận tải.

- Ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông.

+ Khí hậu và thời tiết:

- Ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải.

- Các điều kiện thời tiết như mưa, bão, sương mù, băng tuyết…sẽ cản trở hoạt động của một số phương tiện giao thông vận tải.

**3. Nhân tố kinh tế - xã hội**

- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển, phân bố và hoạt động của giao thông vận tải.

- Phân bố dân cư (đặc biệt là sự phân bố các thành phố lớn và các chùm đô thị) ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách.

- Khoa học - công nghệ ảnh hưởng đến tốc độ vận chuyển, việc hiện đại hoá và nâng cao chất lượng các phương tiện vận tải, quá trình điều hành và quản lí giao thông vận tải.

  - Vốn đầu tư và chính sách tác động tới sự phát triển mạng lưới và mức độ hiện đại hoá hệ thống hạ tầng giao thông vận tải.

**BÀI TẬP BIỂU ĐỒ**

Cho bảng số liệu:

**Cự li vận chuyển hàng hóa trung bình của các**

**phương tiện vận tải nước ta năm 2020.** *(Đơn vị: km)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương tiện vận tải** | **Đường sắt** | **Đường bộ** | **Đường sông** | **Đường biển** | **Đường hàng không** |
| **Cự li vận chuyển trung bình (km)** | 732,1 | 574,7 | 211,0 | 2 186,7 | 1 939,8 |

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện cự li vận chuyển hàng hóa trung bình của các phương tiện vận tải nước ta năm 2020.

b. Nhận xét.

**TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Ngành giao thông vận tải có vai trò

**A**. sự chuyên chở người và hàng hóa. **B**. tạo mối liên kết kinh tế- xã hội.

**C**. sự tiện nghi, an toàn cho hành khách. **D**. tăng thêm giá trị hàng hóa.

**Câu 2:** Ý nào sau đây **không** thể hiệnvai tròcủangành giao thông vận tải?

**A**. Giúp nhu cần đi lại. **B**. Thúc đẩy các ngành kinh tế.

**C**. Góp phần khai thác hiệu quả các nguồn lực. **D**. Các tiêu chí đánh giá dịch vụ vận tải.

**Câu 3:** Ý nào sau đây **không** thể hiệnđặc điểmcủangành giao thông vận tải?

**A**. Sự chuyên chở người và hàng hóa. **B**. Giúp quá trình sản xuất và tiêu thụ.

**C**. Hàng hóa tăng thêm giá trị . **D**. Có sự phân bố đặc thù theo mạng lưới.

**Câu 4:** Sản phẩm củangành giao thông vận tải là

**A**. sự chuyên chở người và hàng hóa. **B**. tăng cường các mối giao lưu, hợp tác quốc tế.

**C**. khâu không thể thiếu trong sản xuất. **D**. hoạt động đi lại thuận tiện và thông suốt.

**Câu 5:** Ý nào sau đây **không** thể hiện tiêu chí đánh giá dịch vụ vận tải?

**A**. Khối lượng vận chuyển. **B**. Khối lượng luân chuyển.

**C**. Cư li vận chuyển trung bình. **D**. Làm thay đổi phân bố sản xuất và dân cư.

**Câu 6:** Nhân tố quy định sự có mặt của loại hình giao thông vận tải?

**A**. Tự nhiên. **B**. Kinh tế- xã hội. **C**. Vị trí địa lí. **D**. Khí hậu và thời tiết.

**Câu 7:** Ý nào sau đây **không** thể hiệnvị trí địa lí ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của ngành giao thông vận tải?

**A**. Địa hình ảnh hưởng đến công tác thiết kế. **B**. Khối lượng luân chuyển dịch vụ vận tải lớn.

**C**. Các loại hình đa dạng. **D**. Các đầu mối giao thông quan trọng.

**Câu 8:** Điều kiện tự nhiên nào sau đây ảnh hưởng tới hoạt động của phương tiện giao thông vận tải?

**A**. Khoa học, công nghệ. **B**. Kinh tế-xã hội.

**C**. Phân bố dân cư. **D**. Khí hậu và thời tiết.

**Câu 9:** Điều kiện tự nhiên nào sau đây cản trở tới hoạt động của phương tiện giao thông vận tải?

**A**. Các điều kiện thời tiết. **B**. Vốn đầu tư.

**C**. Mật độ vận tải. **D**. Chính sách tác động.

**Câu 10:** Ý nào sau đây **không** thể hiện ảnh hưởng của sự phát triển và phân bố các cơ sở kinh tế?

**A**. Việc lựa chọn loại hình. **B**. Mật độ vận tải.

**C**. Hướng và cường độ di chuyển. **D**. Khai thác các công trình công cộng.

**Câu 11:** Sự phân bố các thành phố lớn và các chùm đô thị ảnh hưởng

**A**. tới vận tải hành khách. **B**. phương thức vận tải.

**C**. quản lí giao thông. **D**. quá trình điều hành.

**Câu 12:** Nhân tố tác động tới sự phát triển mạng lưới và mức độ hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông vận tải là

**A**. địa hình, khí hậu. **B**. vốn đầu tư và chính sách.

**C**. khối lượng luân chuyển. **D**. khối lượng vận chuyển.

**Câu 13:** Đường hàng không phát triển nhờ

**A**. các máy bay hiện đại. **B**. nhiều sân bay quốc tế.

**C**. tiến bộ khoa học - kĩ thuật. **D**. khối lượng vận chuyển thấp.

**Câu 14:** Vận tảiđường ô tô hiện nay

**A**. ứng dụng khoa học và công nghệ. **B**. chính sách tác động.

**C**. kết nối các loại hình vận tải khác. **D**. vốn đầu tư lớn.

**Câu 15:** Vận tảiđường sắt hiện nay

**A**. được cải tiến kĩ thuật. **B**. tiện lợi, cơ động.

**C**. nhiều loại hình vận tải khác. **D**. mạng lưới đường sá mở rộng.

**Câu 16:** Để rút ngắn khoảng cách vận tải biển

**A**. mở rộng các tuyến giao thông biển. **B**. người ta xây dựng các kênh đào.

**C**. tăng cường xây dựng nhiều cảng biển. **D**. nạo vét các kênh, sông.

**Câu 17:** Mục đích của việc cải tạo sông ngòi, đào các kênh nối liền đường thủy và cảng biển hiện nay để

**A**. đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách đô thị. **B**. nâng cao năng lực vận tải sông hồ.

**C**. thân thiện môi trường và có độ an toàn cao. **D**. tăng cường khả năng giao thông vận tải.

**Câu 18:** Ý nào sau đây thể hiện tình hình phát triển của vận tải đường biển hiện nay?

**A**. Mở rộng và kết nối với thế giới. **B**. Khối lượng vận chuyển nhỏ.

**C**. Vận tải ven bờ. **D**. Cự li vận chuyển ngắn.

**BÀI 35: ĐỊA LÍ NGÀNH BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

**I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM**

**1. Vai trò**

- Bưu chính: đảm nhận vai trò chuyển thư tín, bưu phẩm, điện báo,...

- Viễn thông: đảm nhận vai trò truyền thông tin của xã hội được diễn ra thông suốt và liên tục.

- Cung cấp những điều kiện cần thiết cho hoạt động sản xuất, xã hội; là hạ tầng cơ sở quan trọng ở mỗi quốc gia.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

- Giúp quá trình quản lí, điều hành của Nhà nước thuận lợi; tăng cường hội nhập quốc tế và đảm bảo an ninh quốc phòng.

**2. Đặc điểm**

- Ngành bưu chính viễn thông gồm 2 ngành: bưu chính và viễn thông

\* Ngành bưu chính:

+ Nhận, vận chuyển và chuyển phát bằng các phương thức khác nhau qua mạng bưu chính.

+ Sản phẩm của ngành là sự vận chuyển thư tín, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hoá,... từ nơi gửi đến nơi nhận.

\* Ngành viễn thông: sử dụng các thiết bị kết nối với vệ tinh và mạng internet để truyền thông tin từ người gửi đến người nhận.

- Các chỉ tiêu đánh giá:

+ Dịch vụ bưu chính: số lượng thư tín, khối lượng bưu phẩm, thời gian giao nhận…

+ Dịch vụ viễn thông: thời gian cuộc gọi, chất lượng cuộc gọi,…

- Sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông phụ thuộc chặt chẽ vào sự phát triển của khoa học - công nghệ.

**BÀI TẬP BIỂU ĐỒ**

Cho bảng số liệu: **Sản lượng dầu mỏ trên thế giới năm 1990 - 2020***. (Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **2000** | **2010** | **2020** |
| **Dầu mỏ** | 3 157,9 | 3 598,3 | 3 978,6 | 4 165,1 |

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng dầu mỏ trên thế giới năm 1990 - 2020.

b. Nhận xét.

**TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Hoạt động bưu chính hiện nay

**A**. chuyển thư tín **B**. truyền thông tin.

**C**. kết nối Internet. **D**. phụ thuộc khoa học- công nghệ.

**Câu 2:** Hoạt động viễn thông hiện nay

**A**. chuyển thư tín. **B**. diễn ra thông suốt và liên tục.

**C**. chuyển bưu phẩm. **D**. chuyển điện báo.

**Câu 3:** Ý nào sau đây **không** thể hiện vai trò củangành bưu chính viễn thông?

**A**. Thúc đẩy phát triển kinh tế. **B**. Nâng cao đời sống vật chất.

**C**. Thể hiện ở các loại dịch vụ. **D**. Nâng cao đời sống tinh thần.

**Câu 4:** Ý nào sau đây **không** thể hiện đặc điểm củangành viễn thông?

**A**. Tăng cường hội nhập quốc tế. **B**. Kết nối vệ tinh và Internet.

**C**. Dựa vào tiêu chí đánh giá dịch vụ viễn thông. **D**. Giúp quá trình quản lí điều hành.

**Câu 5:** Ý nào sau đây thể hiện đặc điểm củangành bưu chính?

**A**. Nhận, vận chuyển và chuyển phát. **B**. Chất lượng cuộc gọi.

**C**. Kết nối vệ tinh và mạng Internet. **D**. Thời gian cuộc gọi.

**Câu 6:** Ý nào sau đây thể hiện đặc điểm củangành viễn thông?

**A**. Vận chuyển và chuyển phát. **B**. Sử dụng các thiết bị kết nối.

**C**. Số lượng thư tín. **D**. Khối lượng bưu phẩm.

**Câu 7:** Sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông phụ thuộc

**A**. điều kiện tự nhiên. **B**. tài nguyên thiên nhiên.

**C**. khoa học- công nghệ. **D**. nguồn lao động.

**Câu 8:** Ý nào sau sau đây **không** thể hiệntiêu chí đánh giá dịch vụ bưu chính?

**A**. Số lượng thư tín. **B**. Khối lượng bưu phẩm.

**C**. Thời gian giao nhận. **D**. Thời gian cuộc gọi.

**Câu 9:** Tiêu chí đánh giá dịch vụ viễn thông?

**A**. Chất lượng cuộc gọi. **B**. Khối lượng bưu phẩm.

**C**. Thời gian giao nhận. **D**. Thư tín.

**Câu 10:** Ý nào sau sau đây **không** thể hiệnvai trò của ngành bưu chính viễn thông?

**A**. Giúp quá trình quản lí, điều hành của Nhà nước.

**B**. Tăng cường hội nhập quốc tế.

**C**. Phụ thuộc chặt chẽ vào sự phát triển của khoa học - công nghệ.

**D**. Đảm bảo an ninh quốc phòng.

**Câu 11:** Trình độ phát triển kinh tế và mức sống dân cư ảnh hưởng

**A**. chất lượng hoạt động. **B**. phát triển của ngành bưu chính viễn thông.

**C**. thời gian giao nhận. **D**. quy mô, tốc độ, chất lượngdịch vụ bưu chính viễn thông.

**Câu 12:** Ý nào sau sau đây **không** phải nhân tố ảnh hưởng đến mật độ phân bố và sử dụng dịch vụ bưu chính viễn thông?

**A**. An ninh quốc phòng. **B**. Các ngành kinh tế.

**C**. Phân bố dân cư. **D**. Mạng lưới quần cư.

**Câu 13:** Yếu tố tác động chínhđến chất lượng hoạt động và phát triển của ngành bưu chính viễn thông là

**A**. phát triển các trung tâm viễn thông. **B**. phát triển của khoa học - công nghệ.

**C**. phát triển các điểm dân cư. **D**. phát triển mạng lưới giao thông vận tải.

**Câu 14:** Ý nào sau sau đây **không** phải nhân tố kinh tế xã hội ảnh hưởng đến phát triển và phân bố của ngành bưu chính viễn thông ?

**A**. Nguồn vốn đầu tư. **B**. Cơ sở hạ tầng.

**C**. Chính sách phát triển. **D**. Các biểu hiện của thời tiết.

**Câu 15:** Ngành bưu chính phát triển hiện nay

**A**. với nhiều dịch vụ. **B**. nhiều hạ tầng.

**C**. nhiều chính sách. **D**. biểu hiện thời tiết.

**Câu 16:** Các dịch vụ bưu chính hiện nay

**A**. phát triển nhanh chóng. **B**. đáp ứng nhu cầu.

**C**. hạ tầng phát triển. **D**. phát triển đầu tư.

**Câu 17:** Mạng lưới bưu cục hiện nay

**A**. rộng khắp trên thế giới. **B**. đáp ứng khu dân cư.

**C**. có hạ tầng giao thông. **D**. chú ý đầu tư.

**Câu 18:** Ngành viễn thông hiện nay phát triển nhờ

**A**. thế giới năng động. **B**. chính sách nhà nước.

**C**. hạ tầng hiện đại. **D**. khoa học - công nghệ.

**Câu 19:** Điện thoại hiện nay

**A**. phương tiện được sử dụng phổ biến. **B**. chính sách nhà nước phát triển.

**C**. tác động của công nghệ. **D**. khoa học chậm phát triển.

**Câu 20:** Internet hiện nay tạo

**A**. phương tiện được sử dụng khác nhau. **B**. cuộc cách mạng vĩ đại.

**C**. tác động hạn chế của công nghệ. **D**. phương tiện phát triển.

--------------

**BÀI 36: ĐỊA LÍ NGÀNH THƯƠNG MẠI**

**I. VAI TRÒ**

Ngành thương mại bao gồm: nội thương và ngoại thương

+ Hoạt động nội thương:

- Tạo ra thị trường thống nhất trong nước và thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ giữa các vùng.

- Phục vụ nhu cầu tiêu dùng của từng cá nhân trong xã hội.

+ Hoạt động ngoại thương:

- Góp phần gắn liền thị trường trong nước với thị trường thế giới.

- Tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

+ Hoạt động thương mại:

- Là khâu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, giúp cho sự trao đổi hàng hoá và dịch vụ được mở rộng.

- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường.

- Góp phần sử dụng hợp lí các nguồn lực, thúc đẩy phân công lao động xã hội, tăng cường hợp tác quốc tế.

**II. ĐẶC ĐIỂM**

- Là quá trình trao đổi hàng hoá và dịch vụ giữa người bán và người mua, đồng thời tạo ra thị trường.

 - Thị trường hoạt động theo quy luật cung và cầu, sự biến động của thị trường dẫn đến sự biến động về giá cả.

 - Hoạt động ngoại thương được đo bằng cán cân xuất nhập khẩu:

 + Nếu trị giá xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu gọi là xuất siêu

 + Nếu trị giá nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu gọi là nhập siêu.

 - Đa dạng, hình thức trao đổi, mua bán hàng hoá, dịch vụ phong phú và ngày càng phát triển

🡪 Với sự tiến bộ của khoa học - công nghệ thì thương mại điện tử ngày càng phổ biến trong giao dịch toàn cầu.

**BÀI TẬP BIỂU ĐỒ**

Cho bảng số liệu:

**Tỉ lệ dân số sử dụng internet của một số quốc gia trên thế giới năm 2020** (Đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Hoa Kì** | **Ca na đa** | **Li bi** | **Colombia** |
| Tỉ lệ | 70 | 90 | 20 | 50 |

a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tỉ lệ dân số sử dụng internet của một số quốc gia trên thế giới năm 2020.

b. Nhận xét.

**TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Ngành thương mại gồm

**A**. 2 ngành. **B**. 3 ngành. **C**. 4 ngành. **D**. 5 ngành.

**Câu 2:** Hoạt động nội thương

**A**. tạo ra thị trường thống nhất ngoài nước. **B**. tạo ra thị trường thống nhất trong nước.

**C**. tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. **D**. góp phần gắn liền thị trường với thế giới.

**Câu 3:** Ý nào sau đây thể hiện vai trò củahoạt động nội thương?

**A**. Tạo ra thị trường thống nhất ngoài nước. **B**. Tạo ra thị trường thống nhất trong nước.

**C**. Tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. **D**. Góp phần gắn liền thị trường với thế giới.

**Câu 4:** Ý nào sau đây **không** thể hiện vai trò củahoạt động nội thương?

**A**. Tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. **B**. Tạo ra thị trường thống nhất trong nước.

**C**. Phục vụ nhu cầu tiêu dùng. **D**. Thúc đẩy sự phân công lao động.

**Câu 5:** Ý nào sau đây không thể hiện vai trò củahoạt động thương mại?

**A**. Giúp cho sự trao đổi hàng hoá và dịch vụ.

**B**. Là khâu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

**C**. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường.

**D**. Tạo ra thị trường thống nhất trong nước.

**Câu 6:** Hoạt động ngoại thương có đặc điểm

**A**. theo quy luật cung và cầu. **B**. trị giá nhập khẩu. **C**. trị giá xuất khẩu. **D**. xuất siêu.

**Câu 7:** Khu vực đóng góp lớn cho hoạt động giao thương thế giới?

**A**. Bắc Mỹ. **B**. Nam Mỹ. **C**. Bắc Âu. **D**. Nam Á.

**Câu 8:** Nếu trị giá xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu gọi là

**A**. cung và cầu. **B**. nhập khẩu. **C**. xuất khẩu. **D**. xuất siêu.

**Câu 9:** Nếu trị giá nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu gọi là

**A**. nhập siêu. **B**. nhập khẩu. **C**. xuất khẩu. **D**. xuất siêu.

**Câu 10:** Nếu muốn thị trường hoạt động ngoại thương phải theo quy luật

**A**. nhập và xuất siêu. **B**. nhập và xuất khẩu.

**C**. xuất và nhập khẩu. **D**. cung và cầu.   
**Câu 11:** Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại là

**A**. hình thành đầu mối. **B**. ảnh hưởng tới quy mô.

**C**. ảnh hưởng tới cơ cấu. **D**. đầu tư và bổ sung lao động.

**Câu 12:** Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động xã hội sẽ ảnh hưởng tới hoạt động thương mại là

**A**. hình thành đầu mối. **B**. thu hút đầu tư.

**C**. thúc đẩy thương mại phát triển. **D**. đầu tư và bổ sung lao động.

**Câu 13:** Yếu tốảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu của người dân, phát triển mạng lưới và loại hình thương mại?

**A**. Quy mô dân số. **B**. Xuất khẩu. **C**. Nhập khẩu. **D**. Xuất siêu.

**Câu 14:** Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ảnh hưởng gì tới thương mại?

**A**. Phân bố dân cư. **B**. Nguồn lao động.

**C**. Thúc đẩy đầu tư quốc tế. **D**. Phong tục tập quán.

**Câu 15:** Yếu tố ảnh hưởng tớicách thức trao đổi, mua bán và phát triển đa dạng loại hình thương mại?

**A**. Vị trí địa lí. **B**. Tiến bộ khoa học - công nghệ.

**C**. Quy mô dân số. **D**. Trình độ phát triển kinh tế.  
**Câu 16:** Hoạt động nội thương khác nhau dựa vào

**A**. các nước có nền kinh tế kém phát triển. **B**. hàng hóa và dịch vụ.

**C**. trình độ phát triển kinh tế- xã hội khác nhau. **D**. các nước có nền kinh tế phát triển.  
**Câu 17:** Hoạt động nội thương diễn ra sôi động dựa vào

**A**. các nước có nền kinh tế kém phát triển. **B**. hàng hóa và dịch vụ.

**C**. trình độ phát triển kinh tế khác nhau. **D**. các nước có nền kinh tế phát triển.  
**Câu 18:** Hoạt động nội thương phong phú, đa dạng do

**A**. kinh tế kém phát triển. **B**. hàng hóa và dịch vụ.

**C**. kinh tế khác nhau. **D**. kinh tế phát triển.  
**Câu 19:** Hoạt động giao thương thế giới tăng do

**A**. kinh tế phát triển. **B**. hàng hóa tăng.

**C**. xu hướng toàn cầu hóa kinh tế. **D**. dịch vụ tăng.